

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 30/3/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T** – sinh năm 1956

Địa chỉ: Số x, Tổ y, Khu z, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Võ Minh Th – sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 110, Khu 3, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T có quen biết ông Th nên có cho vay số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999 cùng số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); sau đó ông Th trả được 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thì còn lại 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), có viết “Giấy mượn tiền” ngày 01/9/2017 và “Giấy mượn vàng” ngày 17/3/2012; tiền lãi thỏa thuận 1,5%/tháng nhưng chỉ trả được vài tháng không nhớ rõ. Bà yêu cầu tính tiền lãi 10%/năm tạm tính là 70.000.000đ x 10%/năm x 05 năm = 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Do ông Th hẹn nhiều lần không trả tiền, vàng nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th trả số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), tiền lãi 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), tổng cộng là

105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng) và trả số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999. Sau đó Thảo rút cầu tiền lãi 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và chỉ yêu cầu tiền gốc.

Quá trình giải quyết, ông Th cho rằng có người tên “B H” không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể cho ông Th mượn tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thì ông Th tự tìm ông “B H” để trao đổi, tranh chấp chứ không liên quan đến bà.

Bản thân bà chỉ cho ông Th vay số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999 cùng số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); sau đó ông Th trả được 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thì còn lại 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Như vậy việc bà cho ông Th vay tiền và vàng thì không liên quan đến ông “B H”.

Ông Th cho rằng trả hết nợ là không đúng vì thực tế chưa trả; nay ông nói hỗ trợ 01 chỉ vàng và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thì bà không đồng ý nhận.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Minh Th trình bày:

Ông Th thừa nhận việc vay tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999 của bà T, đã trả tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nên còn nợ số vàng và tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Đối với việc vay tiền thì nguồn gốc năm 2011 ông vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của bà T đã trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng việc vay mượn và trả tiền thì không viết giấy tờ gì. Còn lại 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) do bà T yêu cầu viết giấy thì ông có viết giấy mượn tiền ngày 17/3/2012, đến ngày 24/5/2014 ông trả một phần tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), còn lại 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) ông đã trả đủ vào năm 2016 đều không viết giấy tờ gì.

Đối với số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999 ông đã trả cho bà T, gồm 03 lần nhưng không nhớ rõ thời gian và không viết giấy tờ gì.

Hiện nay ông thấy đã trả hết tiền, hết vàng nhưng không có giấy tờ gì đối với việc trả số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999; tuy nhiên do ông thấy đã trả xong nợ nên bà T khởi kiện thì ông không đồng ý trả. Đối với việc bà T không yêu cầu lãi thì ông không có ý kiến.

Đối với số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thì ông không có ý kiến yêu cầu gì; do ông trả xong 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và còn lại 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thì bà T viết lại giấy và đang khởi kiện.

Đối với việc người tên “B H” không rõ tên tuổi cụ thể ông trả lãi 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)/tháng của số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nhưng không có giấy tờ chứng minh, ông không yêu cầu xem xét. Trong vụ án này bà T kiện số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) cũng không liên quan ông “B H”.

Đối với việc ông hứa cho bà T 01 chỉ vàng và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) không liên quan đến vụ án, bà T không đồng ý nhận thì ông không ý kiến.

Đối với bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999 cùng số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi; ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, do ông thường xuyên vắng nhà nên đề nghị giải quyết vắng mặt ông.

Sự việc các bên thỏa thuận vay tiền không có liên quan đến người nào khác nên ông không đề nghị đưa ai khác tham gia tố tụng, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho bị đơn. Các đương sự không có ý kiến gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và trả số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999; đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đã rút đối với số tiền lãi 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Võ Minh Th có nơi cư trú tại Thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông Th có nghĩa vụ trả số tiền, vàng đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà T là người khởi kiện ông Th nên xác định tư cách đương sự bà T là nguyên đơn, ông Th là bị đơn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: “Giấy mượn tiền” ngày 01/9/2017 có thời hạn 03 tháng đến ngày 01/12/2017 và “Giấy mượn vàng” ngày 17/3/2012 có thời hạn 08 tháng đến ngày 17/11/2012. Đến ngày 28/10/2022, bà T có đơn yêu cầu khởi kiện. Căn cứ theo Điều 429, điểm d Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi

kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng là 03 (ba) năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, tuy nhiên theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng về thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết, không xem xét về thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà T khởi yêu cầu ông Th có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), tiền lãi 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), tổng cộng là 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng) và trả số vàng 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999. Đối với việc bà T rút cầu tiền lãi 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ.

[2.1] “Giấy mượn tiền” ngày 01/9/2017 và “Giấy mượn vàng” ngày 17/3/2012 là giao dịch dân sự do các bên bà T và ông Th tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận toàn bộ nội dung vay tiền theo thỏa thuận đã ký kết.

[2.2] Ông Th cho rằng đã trả toàn bộ số tiền và số vàng cho bà T nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ Điều 234, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478, Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 223, Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Th có nghĩa vụ trả lại tiền, vàng cho bà T.

[2.3] Đối với việc người tên “B H” thì các đương sự không trình bày được tên tuổi địa chỉ cụ thể, việc ông Th trả tiền lãi 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)/tháng của số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cho ông “B H” nhưng ông Th không có giấy tờ chứng minh và không yêu cầu xem xét. Ngoài ra, các đương sự thừa nhận bà T kiện số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và số vàng thì không liên quan ông “B H”, vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, trường hợp nếu có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện tại vụ án khác.

[2.4] Đối với việc ông Th hứa cho bà T 01 chỉ vàng và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thì bà T không đồng ý nhận; các đương sự thừa nhận không liên quan đến vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, ông Th đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn **anh Dương** khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn ông Th không có yêu cầu phản tố.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả số tiền gốc và vàng của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối tiền lãi nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ.

[6] Về án phí: Ông Võ Minh Th phải chịu $(70.000.000đ + 53.160.000đ) \times 5\% = 6.158.000đ$ (Sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

(Giá vàng ngày 30/3/2023 là 66.450.000đ/lượng; tương ứng 6.645.000đ/chỉ x 08 chỉ = 53.160.000đ)

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 122, Điều 234, Điều 290, Điều 305, Điều 405, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478, Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 223, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 229, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- **Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15**, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Võ Minh Th.

Buộc ông Võ Minh Th có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tài sản là 08 (tám) chỉ vàng 24K loại 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đã rút đối với số tiền lãi 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Hậu quả của việc đình chỉ: Bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

- Về án phí: Ông Võ Minh Th phải chịu 6.158.000đ (Sáu triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng